

QUYỀN CỦA CHỦ THỂ KHÔNG GIỮ QUYỀN TÀI SẢN ĐỐI VỚI CÁC TÁC PHẨM HÌNH THÀNH TRONG NHÀ TRƯỜNG, KINH NGHIỆM QUỐC TẾ ĐỂ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM

Võ Nguyên Hoàng Phúc¹
Email: vnhphuc@hcmulaw.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/01/2025

Ngày phản biện đánh giá: 11/07/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 24/07/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.606

Tóm tắt: Các cơ sở đào tạo Đại học được xem là cái nôi sáng tạo ra tri thức và công nghệ mới ở nhiều lĩnh vực khác nhau, đòi hỏi hoạt động quản trị tài sản trí tuệ cũng cần có sự phân hoá cho phù hợp với đặc thù của từng trường và loại tài sản trí tuệ. Mặc dù đã có những bước chuyển lớn, các hoạt động quản trị vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, đặc biệt là trong việc bao quát được hết các vấn đề cần điều chỉnh (Nguyễn, T. T. H., 2024). Một trong số những vấn đề ít được đề cập đến trong các quy chế về sở hữu trí tuệ trong các trường Đại học tại Việt Nam là xác định quyền của các bên trong khai thác tài sản trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng. Chính vì vậy, bài viết của tác giả tập trung đi vào phân tích quyền của các chủ thể không giữ quyền tài sản đối với các tác phẩm hình thành trong Nhà trường, trên cơ sở phân tích luật và tình hình trong nước, cũng như so sánh đối chiếu với Chính sách sở hữu trí tuệ của một số Trường Đại học ở nước ngoài, nhằm góp phần hoàn thiện chính sách sở hữu trí tuệ trong trường Đại học tại Việt Nam.

Từ khóa: quản trị tài sản trí tuệ, quyền tác giả, quyền nhân thân, quyền tài sản, khai thác tác phẩm

I. Đặt vấn đề

Tác phẩm hình thành trong hoạt động Nhà trường chịu sự điều chỉnh của quy chế về sở hữu trí tuệ trong các trường Đại học thường ở những dạng như giáo trình, tập tài liệu giảng dạy, bài giảng, sách

chuyên khảo, tham khảo, báo cáo khoa học; công trình nghiên cứu (bao gồm công trình nghiên cứu khoa học, khóa luận, luận văn, luận án, bài báo khoa học, chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu)². Nếu việc xác định chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận

¹ Viện Sở hữu trí tuệ, Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo - Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh

² Xem: Điều 4, Quy định về Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh; Điều 4 Quy chế quản lý sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; Điều 4, Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

từ khai thác thương mại thường được quan tâm hàng đầu trong việc hoạch định chính sách sở hữu trí tuệ, vấn đề quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong khai thác tài sản trí tuệ thường chưa được quan tâm đúng mức mà chủ yếu giải quyết dựa trên quy định pháp luật. Nếu tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả, hoặc tác phẩm được tạo ra trong hoạt động trường học nhưng Nhà trường lại không phải là chủ sở hữu, các chủ thể này sẽ có quyền gì với tác phẩm? Việc khai thác tác phẩm trong trường hợp này có dẫn đến xung đột lợi ích với các chủ thể khác hay không?

Thông qua việc phân tích các quy định pháp luật Việt Nam, một số quy chế về sở hữu trí tuệ tại (SHTT) các trường Đại học tại Việt Nam, tác giả mong muốn chỉ ra hạn chế của các Quy chế về sở hữu trí tuệ hiện nay trong việc xác định quyền của chủ thể; vai trò của việc quy định cụ thể nội dung này trong Quy chế SHTT; đồng thời góp phần hoàn thiện chính sách Sở hữu trí tuệ trong các trường Đại học tại Việt Nam thông qua việc khảo sát một số chính sách SHTT của các trường Đại học trên thế giới.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Quy định pháp luật Việt Nam về quyền của chủ thể không giữ quyền tài sản của quyền tác giả

Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo hoặc sở hữu³. Đối với các tác phẩm

được hình thành trong hoạt động trường học, quyền tài sản có thể thuộc về tác giả hoặc Nhà trường, hoặc bên thứ ba (Vallée & cộng sự, 2006)⁴. Ngoài quyền nhân thân quy định tại Khoản 1,2 và 4 Điều 19 Luật SHTT dành riêng cho tác giả, ngay cả khi không phải là chủ sở hữu, trừ trường hợp có thỏa thuận riêng, Luật SHTT ít điều chỉnh về quyền của chủ thể không giữ quyền tài sản.

2.1.1. Quyền nhân thân

Quyền nhân thân thuộc về tác giả, ngay cả khi không đồng thời là chủ sở hữu, bao gồm quyền đứng tên, đặt tên cho tác phẩm, công bố, và quyền bảo vệ toàn vẹn tác phẩm⁵.

Thứ nhất, tác giả có quyền đứng tên thật, bút danh hoặc công bố tác phẩm ở dạng khuyết danh.

Thứ hai, trừ tác phẩm dịch⁶, tác giả có quyền đặt tên cho tác phẩm. Tuy nhiên, theo điểm d khoản 1 Điều 21 Luật SHTT, tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm điện ảnh, tức chủ sở hữu quyền tác giả, có thể thỏa thuận với tác giả về việc đặt tên, sửa đổi tác phẩm.

Thứ ba, quyền công bố và cho phép công bố, là quyền của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả tự mình thực hiện hoặc cho phép chủ thể khác phát hành bản sao tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hợp lý đủ để công chúng tiếp cận

³ K2Đ4 Luật SHTT 2005, sđbs 2009, 2019, 2022, sau đây gọi tắt là Luật SHTT.

⁴ Về việc xác định tư cách chủ sở hữu đối với các tác phẩm hình thành trong Nhà trường, tham khảo Điều 7,8,9 Quy định về Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; Điều 6,7 Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁵ Điều 19 Luật SHTT.

⁶ K1Đ14 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan. Sau đây gọi tắt là Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

được lần đầu tiên⁷. Về nguyên tắc, đây là quyền nhân thân thuộc về tác giả. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 20 Luật SHTT quy định: *“tổ chức cá nhân khi công bố tác phẩm phải được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả (...)”*. Ngoài ra, theo khoản 8 Điều 3 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP, *“công bố là việc phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, (...) dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hợp lý đủ để công chúng tiếp cận được (...)”*. Như vậy, nếu không có thoả thuận khác, quyền công bố thuộc về chủ sở hữu quyền tác giả.

Cuối cùng, quyền bảo vệ toàn vẹn tác phẩm. Đây là quyền nhân thân quan trọng nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung tác phẩm thông qua việc bảo vệ hình thức thể hiện mà tác giả đã lựa chọn. Theo khoản 4 Điều 19 Luật SHTT, bảo vệ toàn vẹn tác phẩm là không cho người khác xuyên tạc, sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Nói cách khác, việc tác động đến nội dung tác phẩm nếu không gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả sẽ không bị xem là xâm phạm quyền nhân thân. Quy định này trước đây được hướng dẫn thi hành bởi khoản 3 Điều 22 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP⁸, kế thừa bởi khoản 3 Điều 20 Nghị định số 22/2018/NĐ-CP⁹, theo đó, bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật SHTT là việc không cho người khác sửa chữa, cắt xén

tác phẩm, trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả. Với quy định này, mọi sự cắt xén, sửa chữa tác phẩm, không có sự đồng ý của tác giả đều là hành vi xâm phạm quyền nhân thân (Nguyễn, H. H., 2024). Nghị định 17/2023/NĐ-CP hiện hành hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan lại không đề cập đến nội dung này nữa. Việc này làm cho quy định về quyền bảo vệ toàn vẹn tác phẩm trở nên thống nhất hơn. Bên cạnh đó, Luật năm 2022 cũng thể hiện rõ vai trò của tác giả trong khai thác quyền tài sản: *“trường hợp làm tác phẩm phái sinh mà ảnh hưởng đến quyền nhân thân quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật này còn phải được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả”*. Mặc dù chủ sở hữu có quyền tự mình hoặc giao cho chủ thể khác làm tác phẩm phái sinh, nếu hành vi này dẫn đến xâm phạm danh dự nhân phẩm của tác giả, thì cần có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

Khoản 2 Điều 20 Luật SHTT chỉ quy định trường hợp tác động đến toàn vẹn tác phẩm để làm tác phẩm phái sinh. Trong khi đó, hành vi cắt xén, sửa chữa tác phẩm không chỉ tồn tại trong quá trình làm tác phẩm phái sinh. Ví dụ, việc cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu học tập có thể dẫn đến sai sót làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của tác giả. Tuy nhiên, hành vi này không thể xem là làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp sự sửa đổi bổ sung quá lớn dẫn đến thay đổi cơ bản nội

⁷ K3Đ14 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

⁸ Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ luật dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan (đã hết hiệu lực). Sau đây gọi là Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

⁹ Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan (đã hết hiệu lực). Sau đây gọi là Nghị định số 22/2018/NĐ-CP.

dung tác phẩm và làm xuất hiện một tác phẩm mới¹⁰. Khoản 2 Điều 20 là quy định được thêm vào trong lần sửa đổi bổ sung Luật SHTT năm 2022 để giải quyết vấn đề xung đột giữa quyền làm tác phẩm phái sinh và bảo vệ toàn vẹn tác phẩm. Trong những trường hợp khác, Luật SHTT chưa giải quyết được triệt để vấn đề nếu không có sự đồng thuận giữa tác giả và chủ sở hữu, chủ thể nào sẽ có quyền sửa đổi, bổ sung, cập nhật tác phẩm.

2.1.2. Quyền tài sản

Bên cạnh quyền định đoạt phải được thực hiện bởi chủ sở hữu, pháp luật SHTT còn quy định các quyền tài sản khác bao gồm quyền sử dụng và quyền hưởng lợi ích vật chất trong khai thác tác phẩm.

a. Quyền sử dụng

Luật SHTT quy định quyền tự sử dụng hoặc cho phép chủ thể khác sử dụng tác phẩm là quyền tài sản và thuộc về chủ sở hữu. Như vậy, tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền chỉ được sử dụng tác phẩm với sự đồng ý của chủ sở hữu, trừ trường hợp ngoại lệ quy định tại Điều 25, Điều 25a và giới hạn tại Điều 26 Luật SHTT.

b. Quyền hưởng tiền bản quyền, thù lao hoặc lợi ích vật chất khác

Khác với pháp luật về sáng chế cho tác giả được hưởng thù lao khi khai thác thương mại, Luật SHTT không có nguyên

tắc chung cho phép tác giả không đồng thời là chủ sở được hưởng tiền bản quyền trong khai thác thương mại. Theo khoản 2 Điều 20 và khoản 1 Điều 26 Luật SHTT, chủ thể được nhận tiền bản quyền khi tác phẩm được khai thác là chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp ngoại lệ đối với tác phẩm điện ảnh, sân khấu¹¹.

Có thể thấy, Luật SHTT Việt Nam có sự tách biệt khá rõ giữa quyền của tác giả và quyền của chủ sở hữu. Trong đó, chỉ có quyền bảo vệ toàn vẹn tác phẩm có thể ảnh hưởng đến việc làm tác phẩm phái sinh, vốn là quyền tài sản. Ngoài trường hợp này, giữa chủ sở hữu quyền và tác giả hầu như không có sự tác động và hạn chế lẫn nhau trong khai thác tác phẩm. Bên cạnh đó, nếu tác giả hoặc bên thứ ba là chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp có thỏa thuận, mặc dù tác phẩm có thể có sử dụng nguồn lực của trường, Nhà trường sẽ không có bất kỳ quyền nào đối với tác phẩm, ngay cả quyền sử dụng. Mặc dù Luật SHTT không dự liệu quyền của các chủ thể không phải là chủ sở hữu, nhưng cũng không loại trừ khả năng thỏa thuận. Chính vì vậy, việc thỏa thuận, trước hết là thông qua các chính sách sở hữu trí tuệ của Nhà trường là việc hết sức quan trọng nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong việc sáng tác và khai thác các tác phẩm trong trường học.

¹⁰ Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thông qua việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, biên soạn, chú giải, tuyển chọn, cải biên, chuyển thể nhạc và các chuyển thể khác. (K8Đ4 Luật SHTT). Để được xem là tác phẩm phái sinh, cần phải có sự hình thành một tác phẩm mới và tác phẩm này cần phải thuộc về một trong các dạng tác phẩm vừa liệt kê.

¹¹ Điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 21 quy định cá nhân tổ chức đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm điện ảnh là chủ sở hữu các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 của Luật này (...) có nghĩa vụ trả tiền bản quyền, các quyền lợi vật chất khác (nếu có) theo hợp đồng với những người quy định tại điểm a và điểm b điều này. (Bao gồm các chủ thể là tác giả).

2.2. Quyền của chủ thể không phải là chủ sở hữu quyền tác giả tại các trường Đại học tại Việt Nam

Thông qua các quy định liên quan đến quyền của các chủ thể trong khai thác tác phẩm hình thành trong trường học tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội, tác giả đánh giá mức độ hoàn thiện của các quy định liên quan đến quyền của các chủ thể không phải là chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm hình thành trong trường học¹².

2.2.1. Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Các vấn đề liên quan đến tài sản trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay được điều chỉnh chủ yếu bởi Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó quy định các vấn đề liên quan đến xác định chủ sở hữu, quyền và nghĩa vụ của các bên trong sáng tạo, khai thác và sử dụng các tài sản trí tuệ, cũng như vấn đề phân cấp quản lý, v.v...

a. Quyền của cán bộ, viên chức, học viên không phải là chủ sở hữu quyền tác giả

- Quyền đề xuất công bố

Theo khoản 4 Điều 9 Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường

Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, đối với các tác phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhà trường, các tác giả/ đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên sách, tạp chí và các phương tiện truyền thông. Việc công bố chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Nhà trường. Có thể thấy, quyền công bố tác phẩm thuộc về chủ sở hữu. Tuy nhiên, Nhà trường tôn trọng ý chí của tác giả thông qua việc cho phép đề xuất thời điểm và nơi công bố tác phẩm.

- Quyền sử dụng

Cán bộ viên chức Trường Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh có quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của Nhà trường trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ khác. Quyền sử dụng cho mục đích học tập, nghiên cứu cũng được thừa nhận cho người học¹³.

- Quyền hưởng nhuận bút thù lao

Tác giả, đồng tác giả có quyền hưởng tiền thù lao, nhuận bút và các lợi ích khác từ việc khai thác tài sản trí tuệ do mình sáng tạo nhưng thuộc sở hữu của Nhà trường. Theo khoản 2 Điều 20, tiền thù lao mà tác giả nhận được từ việc khai thác tài sản trí tuệ không được thấp hơn mức tối thiểu pháp luật quy định. Quy định này sẽ khó khăn trong áp dụng khi Luật SHTT không quy định quyền hưởng tiền bản quyền của tác giả trong khai thác thương mại.

¹² Trong vấn đề xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đối với các tác phẩm hình thành trong hoạt động Nhà trường, các quy chế quản lý tài sản trí tuệ tại các Trường Đại học tại Việt Nam thường không có sự khác biệt đáng kể. Ví dụ, các quy định tương tự về quyền của tác giả, Nhà trường được quy định tại Điều 4 Quy chế quản lý sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; Điều 7,8,9,10 Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Trong khuôn khổ bài viết, để đi vào so sánh chi tiết, tác giả thực hiện đối chiếu quy định xác định quyền của các chủ thể không giữ quyền tài sản của hai cơ sở đào tạo Đại học thuộc khối xã hội và tự nhiên là Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội.

¹³ K1Đ18 Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

b. Quyền của Nhà trường

Theo khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, Nhà trường có quyền khai thác nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học đối với các công trình thuộc quyền sở hữu của tác giả được công bố trên Tạp chí khoa học của Trường, kỷ yếu hội thảo, hội nghị, tọa đàm khoa học do Nhà trường tổ chức, đồng tổ chức, hoặc các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học.

Đối với các Luận án, luận văn, khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp thuộc quyền sở hữu của người học, các ấn phẩm được đăng trên tạp chí khoa học của Nhà trường, các bài tham luận hội thảo, kỷ yếu hội thảo do Nhà trường tổ chức/ đồng tổ chức, Thư viện trường được toàn quyền lưu trữ kể cả dưới hình thức số hoá và khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ¹⁴.

Đối với các bài đăng trên tạp chí khoa học của Nhà trường, tạp chí có quyền công bố, sao chép, lưu trữ, phân phối; truyền đạt đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.

2.2.2. Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội

Việc quản trị tài sản trí tuệ tại Đại học Quốc gia Hà Nội được điều chỉnh bởi Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội¹⁵, trong đó cũng có đề cập một số quyền của chủ thể không phải chủ sở hữu. Tuy nhiên, Quy định

này lại không thể hiện rõ các quyền của Nhà trường trong khai thác và sử dụng tác phẩm do tác giả hoặc bên thứ ba giữ quyền tài sản.

Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép tác giả thỏa thuận với Nhà trường về quyền công bố kết quả nghiên cứu¹⁶; đề xuất các vấn đề liên quan đến thương mại hoá¹⁷; quyền nhận phân bổ lợi nhuận từ khai thác thương mại tài sản trí tuệ. Điểm tiến bộ của Quy chế là đề xuất cụ thể tỷ lệ phân chia lợi nhuận nếu không có thỏa thuận riêng. Theo đó, khi tài sản trí tuệ được thương mại hoá, tác giả nhận được lên đến 50% lợi nhuận thu được.

Có thể thấy, chính sách sở hữu trí tuệ của hai đơn vị tập trung vào xác định chủ sở hữu, phân chia lợi nhuận trong khai thác thương mại, cũng như trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trong việc quản trị tài sản trí tuệ của Nhà trường. Trong khi đó, quy định về quyền của bên không phải là chủ sở hữu quyền tác giả chưa có được sự điều chỉnh phù hợp và toàn diện. Các quy chế cũng không đề cập đến quyền của chủ thể trong việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật tác phẩm; hoặc quyền của Nhà trường can thiệp vào các hoạt động bên ngoài trường của người lao động, trong trường hợp có khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường. Trong trường hợp không có sự đồng thuận giữa tác giả và chủ sở hữu, việc thiếu quy định về quyền của các bên trong khai thác tác phẩm sẽ dẫn đến xung đột lợi ích, điều mà các chủ thể trong môi trường giáo dục đều không mong muốn.

¹⁴ K3Đ15 Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

¹⁵ Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

¹⁶ K4Đ8 Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội

¹⁷ K6Đ17 Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong phần tiếp theo, thông qua việc khảo sát một số Chính sách sở hữu trí tuệ của các trường Đại học trên thế giới, tác giả đề xuất một số nội dung liên quan đến quyền của chủ thể không giữ quyền tài sản của quyền tác giả, để hoàn thiện quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong các cơ sở đào tạo Đại học.

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu

Bài viết được thực hiện dựa trên phương pháp phân tích, tổng hợp các quy định pháp luật Việt Nam về quyền tác giả, Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của các trường Đại học tại Việt Nam, trong đó, tác giả đi sâu vào Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội; kết hợp với việc so sánh với các quy định trong Chính sách sở hữu trí tuệ của một số trường Đại học trên thế giới nhằm chỉ ra được những điểm chưa hoàn thiện của chính sách tại các trường Đại học tại Việt Nam. Từ đó, tác giả đề ra một số kiến nghị hoàn thiện chính sách quản trị tài sản trí tuệ tại Việt Nam, nhằm bảo đảm tốt hơn quyền lợi của các chủ thể tham gia vào hoạt động sáng tạo trong các cơ sở đào tạo Đại học.

IV. Kết quả và thảo luận

Để đảm bảo việc cân bằng lợi ích giữa chủ thể sáng tạo và Nhà trường, chính

sách sở hữu trí tuệ cần quy định cụ thể hơn về quyền của tác giả hoặc của Nhà trường trong khai thác tác phẩm trong trường hợp các chủ thể này không giữ quyền tài sản. Dựa trên kết quả phân tích, tổng hợp, tác giả tiến hành so sánh đối chiếu với các Chính sách SHTT của một số trường Đại học trên thế giới nhằm đưa ra các đề xuất hoàn thiện chính sách sở hữu trí tuệ tại các trường Đại học Việt Nam như sau:

4.1. Quyền của tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả/bản quyền

Tương tự Việt Nam, hầu hết các trường trên thế giới đều tuân thủ theo thông lệ quốc tế và pháp luật Quốc gia, thừa nhận cho tác giả các quyền nhân thân đối với tác phẩm, quan trọng nhất là quyền đứng tên và quyền chống lại hành vi cắt xén, sửa đổi xuyên tạc tác phẩm gây ra ảnh hưởng tiêu cực¹⁸. Một số cơ sở đào tạo cho tác giả giữ quyền quyết định về việc công bố tác phẩm¹⁹. Đa số các trường ghi nhận cho tác giả quyền khai thác tác phẩm, kể cả sửa đổi, bổ sung, cập nhật, hoặc làm tác phẩm phái sinh, kể cả dịch, nhằm mục đích giảng dạy và nghiên cứu²⁰. Hơn thế nữa, Trường Đại học Sherbrooke còn mở rộng phạm vi khai thác tác phẩm của tác giả cho mục đích học thuật, hoặc bất kỳ hoạt động nào nhằm đạt được mục đích này²¹.

¹⁸ Trong một số trường hợp, luật Quốc gia có thể dự liệu quyền từ chối hưởng quyền nhân thân. Ví dụ: Đạo luật Quyền tác giả của Canada quy định: Quyền nhân thân của quyền tác giả không thể chuyển giao, nhưng có thể từ chối toàn bộ hoặc một phần (Đ14.2). Về chính sách điều chỉnh vấn đề SHTT của các trường Đại học trên thế giới, xem Couture và cộng sự (2010); Baray & Soulabail (2017).

¹⁹ Điều 8.3.2, 8.3.3, 8.3.4, Chính sách SHTT, Trường Đại học Sherbrooke, Canada, 2023; Điều 2, Chính sách SHTT, Trường Đại học Montréal (UdeM), 2021.

²⁰ Điều 2.3, Chính sách Bản quyền, Trường Đại học Toronto, Canada, 2018; Chính sách SHTT, Trường Đại học Sherrbrooke, 2023.

²¹ Điều 8.5; 8.3.2 Chính sách SHTT, Trường Đại học Sherbrooke, Canada, 2023.

Các trường cũng quy định quyền được hưởng lợi ích vật chất khi tác phẩm được thương mại hoá. Quy định này cũng tương tự với quy định của các cơ sở đào tạo Đại học tại Việt Nam. Một số trường không chỉ giới hạn chủ thể nhận tiền bản quyền là tác giả mà còn cân nhắc đến khả năng tái đầu tư vào các hoạt động học thuật, thông qua việc mở rộng đối tượng hưởng tiền bản quyền ra cho cả nhóm nghiên cứu, viện/khoa nơi tác giả làm việc²².

4.2. Quyền của Nhà trường không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả/bản quyền

4.2.1. Quyền can thiệp vào nội dung tác phẩm

Như đã phân tích, theo pháp luật Việt Nam, về nguyên tắc, Nhà trường có quyền sửa đổi, bổ sung, cập nhật tác phẩm, miễn những thay đổi này không ảnh hưởng đến danh dự uy tín của tác giả. Tuy nhiên, việc đánh giá tác động tiêu cực đến danh dự uy tín tác giả không dễ dàng. Để đảm bảo tác phẩm được khai thác một cách toàn vẹn, cần có quy định cụ thể trường hợp và giới hạn của việc sửa đổi, cập nhật đối với các tác phẩm hình thành trong trường học. Ví dụ, Trường Đại học Victoria quy định, nếu tác phẩm là tài liệu học tập, với điều kiện tôn trọng quyền đứng tên của tác giả, Nhà trường có quyền chỉnh sửa, cập nhật, sửa đổi hoặc thay thế bất kỳ phần nào của tài liệu mà không cần tác giả chấp thuận²³. Tuy nhiên, quy định này cho thấy sự tự do

quá lớn của Nhà trường vào sản phẩm sáng tạo của tác giả. Trường Đại học Toronto lại có mức độ can thiệp vào nội dung phù hợp hơn. Theo đó, với những tác phẩm có quyền tài sản thuộc về tác giả nhưng có sử dụng đáng kể tài nguyên của trường, Nhà trường có quyền sửa đổi, bổ sung nội dung tác phẩm nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu hoặc giảng dạy trong Nhà trường, nhưng không được quyền công bố bất kỳ bản sửa đổi nào của tác phẩm mà không có sự đồng ý bằng văn bản trước từ tác giả²⁴. Như vậy, Nhà trường chỉ được phép thực hiện việc can thiệp vào nội dung tác phẩm nhằm phục vụ mục đích học thuật phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời chỉ được công bố với sự đồng ý của tác giả của tác phẩm gốc. Quy định này mang tính toàn diện và phù hợp, đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các mục tiêu học thuật và quyền bảo vệ toàn vẹn tác phẩm của chủ thể sáng tạo.

4.2.2. Quyền khai thác tác phẩm

Ngay cả khi không giữ quyền tài sản, các trường Đại học trên thế giới thường quy định tương tự với Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh về quyền khai thác các tác phẩm cho mục đích phi lợi nhuận. Quyền sử dụng này là một li-xăng kéo dài suốt thời gian bảo hộ, không thể huỷ ngang, miễn phí, không độc quyền, để sử dụng nhằm mục đích phù hợp với nhiệm vụ của Nhà trường. Phạm vi khai

²² Trường Đại học Columbia Hoa Kỳ chia tác giả từ 25% đến 50% lợi nhuận từ khai thác thương mại. 25% được đưa vào tài khoản nghiên cứu và đổi mới do tác giả quản lý và điều phối cho các mục đích nghiên cứu và học thuật; bộ môn và khoa nơi tác giả làm việc được hưởng một khoản lợi nhuận nhằm tái sử dụng cho các mục đích học thuật. Xem phụ lục B, Chính sách SHTT, Trường Đại học Columbia, 2000. Cách phân chia tương tự cũng thấy ở Phần V, B, Chính sách SHTT, Trường Đại học Harvard, 1975, sđbs 1986, 1998, 2008, 2010, 2013, 2019.

²³ Điểm 50, Chính sách SHTT, Trường Đại học Victoria, BC., Canada, n°GV0215, 2019, sđbs lần cuối 2021.

²⁴ Điều 2.4, Chính sách Bản quyền, Trường Đại học Toronto 2018.

thác thường dừng lại ở việc sử dụng cho các mục đích học tập và nghiên cứu phi lợi nhuận²⁵, nhưng cũng có trường mở rộng cho cả việc sử dụng cho cả mục tiêu có lợi nhuận²⁶ phù hợp với chức năng nhiệm vụ.

Ngoài ra, mặc dù thừa nhận quyền công bố thuộc về tác giả, trường Đại học Sherbrook còn bảo lưu quyền công bố, bảo hộ quyền đối với các tác phẩm mà Nhà trường không giữ quyền tài sản, trong trường hợp có lý do đặc biệt về mặt đạo đức cần có sự can thiệp của Nhà trường²⁷.

4.2.3. Quyền tiếp cận thông tin và bảo vệ danh dự uy tín của Nhà trường

Quyền tiếp cận thông tin liên quan đến tài sản trí tuệ giúp xác định chủ sở hữu quyền tác giả. Tuy nhiên, ngay cả đối với tác phẩm không thuộc quyền sở hữu của Nhà trường, một số cơ sở đào tạo vẫn yêu cầu tác giả thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến việc hình thành, ý định thương mại hoá hoặc tất cả thông tin về việc phát triển tác phẩm hoặc quá trình thương mại hoá liên quan đến tài sản trí tuệ đó²⁸. Quy định này giúp trường nắm bắt thông tin, đảm bảo việc khai thác tác phẩm không ảnh hưởng tiêu cực đến Nhà trường, cũng như cho phép Nhà trường có thể kịp thời thực hiện việc thương lượng nhận chuyển giao quyền khi có nhu cầu. Trường Đại học Victoria còn quy định, Nhà trường có quyền hành động vào bất kỳ thời điểm nào phù hợp trong quá trình

thương mại hoá tác phẩm trong trường hợp có khả năng ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của tổ chức và của các thành viên Nhà trường²⁹.

4.2.4. Quyền can thiệp vào giao dịch liên quan đến tài sản trí tuệ của Nhà trường

Nhà trường có thể cho phép thành viên Nhà trường tham gia vào các hoạt động bên ngoài. Khi đó, chủ sở hữu quyền tác giả thường không thuộc về Nhà trường, nhưng quá trình tạo thành tác phẩm lại có khả năng có sử dụng nguồn lực của Nhà trường. Trường Đại học Quốc gia Singapore (NUS) quy định trong Chính sách SHTT của mình rằng, trong trường hợp hoạt động cho bên thứ ba của đội ngũ lao động tiêu chuẩn³⁰, nếu xét thấy có sử dụng đáng kể tài sản trí tuệ của Nhà trường, tùy từng trường hợp, NUS có quyền xem xét yêu cầu bên thứ ba ký kết với Nhà trường thỏa thuận tiếp cận và khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường và thỏa thuận hợp tác nghiên cứu, trong đó bao gồm li-xăng chéo, cho phép NUS được quyền sử dụng tài sản trí tuệ được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu giữa nhân viên Nhà trường và bên thứ ba cho các mục đích học thuật và nghiên cứu; hoặc thỏa thuận chia sẻ quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ do nhân viên Nhà trường và bên thứ ba tạo lập³¹.

²⁵ Điều 2.4, Chính sách Bản quyền, Trường Đại học Toronto 2018; Điều 4.3 Chính sách Bản quyền, Trường Đại học McGill, 2017, xem xét lần cuối năm 2021.; Điều 50, Chính sách SHTT, Trường Đại học Victoria, BC., n°GV0215, 2019, sđbs lần cuối 2021.

²⁶ Phần H, điểm 8, Chính sách SHTT, NUS, 2009.

²⁷ Điều 8.3.2, 8.3.3, 8.3,

²⁸ Phần I, Chính sách SHTT, Trường Đại học Quốc gia Singapore (NUS), 2009.

²⁹ Điều 37;38 Chính sách SHTT, Trường Đại học Victoria, BC., n°GV0215, 2019, sđbs lần cuối 2021.

³⁰ Qualified staff, thường được tính từ bậc trợ lý giáo sư trở lên.

³¹ Phần J, Điều 1,2,3 Chính sách SHTT, NUS, 2009.

V. Kết luận

Pháp luật SHTT Việt Nam cho phép các bên thỏa thuận trong vấn đề sử dụng và khai thác tác phẩm. Các tác phẩm hình thành trong trường Đại học cũng có nhiều điểm đặc thù, việc sáng tác thường có sự tham gia của rất nhiều chủ thể. Nếu không có thỏa thuận cụ thể và chi tiết về khai thác tác phẩm, tính cân bằng lợi ích giữa các bên sẽ không được đảm bảo. Việc nghiên cứu chính sách SHTT của các trường Đại học trên thế giới cho thấy, khi pháp luật Quốc gia không điều chỉnh cụ thể mà cho các bên không gian lớn để thỏa thuận, các trường thường tập trung vào việc quy định chi tiết quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc tạo lập và khai thác quyền tác giả. Các khảo sát này là tiền đề cho các nghiên cứu sâu hơn về vấn đề xác lập và khai thác tài sản trí tuệ trong Nhà trường, mà khởi đầu là việc cần ban hành hoặc sửa đổi các quy chế hiện hành, hướng đến mục tiêu cân bằng lợi ích của các bên trong xác lập và khai thác các tác phẩm trong Nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Baray, J., & Soulabail, Y. (2017). De la reconnaissance de la propriété intellectuelle des enseignants-chercheurs entre législation et réalité de terrain. *La Revue de Sciences de Gestion*, éd. Direction et Gestion, n 284 - Droit, pp. 13-22.
- [2]. Couture, M., Dubé, M., & Malissard, P. (2010). La réglementation de la propriété intellectuelle dans les universités canadiennes (Quy chế SHTT trong các trường Đại học tại Canada) in *Propriété intellectuelle et université Entre la libre circulation des idées et la privatisation des savoirs*; Presses de l'Université du Québec, 402p.
- [3]. Đại học Quốc gia Hà Nội (2021). *Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội, Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội*, ban hành kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-ĐHQGHN ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia, <https://uet.vnu.edu.vn/quy-dinh-quan-ly-tai-san-tri-tue-o-dai-hoc-quoc-gia-ha-noi/>.
- [4]. Nguyễn, H. H.. (2024). Mối quan hệ giữa quyền bảo vệ toàn vẹn tác phẩm và quyền làm tác phẩm phái sinh. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật online*, số 4/2024, tr. 25-31. <https://tcdepl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=682>.
- [5]. Nguyễn, T. T. H. (2024). Quản trị tài sản trí tuệ trong trường đại học, viện nghiên cứu. https://www.ipvietnam.gov.vn/danh-sach-cac-on-ang-ky-nhan-hieu-tap-the-a-cong-bo1?p_p_id=101&p_p_lifecycle=0&p_p_state=maximized&p_p_mode=view&_101_struts_action=%2Fasset_publisher%2Fview_content&_101_type=content&_101_urlTitle=hoi-thao-quan-tri-tai-san-tri-tue-trong-truong-ai-hoc-vien-nghien-cuu
- [6]. Trường Đại học Columbia (2000). *Chính sách SHTT*, <https://facultyhandbook.columbia.edu/content/appendix-ii-statement-policy-proprietary-rights-intellectual-products-faculty-activity>
- [7]. Trường Đại học Harvard (1975). *Chính sách SHTT*, 1975, sđbs 1986,1998, 2008, 2010, 2013, 2019, <https://otd.harvard.edu/faculty-inventors/resources/policies-and-procedures/statement-of-policy-in-regard-to-intellectual-property/>
- [8]. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2020). *Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-XHNV-TTPC-SHTT ngày 22 tháng 6 năm 2020,

- sau đây gọi là *Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, <https://hcmussh.edu.vn/static/document/49.%20Quy%20E1%20BA%20BF%20%20C4%2091%20E1%20BB%208Bnh%20v%20E1%20BB%2081%20vi%20E1%20BB%2087c%20ban%20h%20C3%20A0nh%20Quy%20ch%20E1%20BA%20BF%20qu%20E1%20BA%20A3n%20l%20C3%20BD%20t%20C3%20A0i%20s%20E1%20BA%20A3n%20tr%20C3%20AD%20tu%20E1%20BB%2087%20c%20E1%20BB%20A7a%20Tr%20C6%20B0%20E1%20BB%209Dng%20%20C4%2090%20E1%20BA%20A1i%20h%20E1%20BB%208Dc%20Khoa%20h%20E1%20BB%208Dc%20X%20C3%20A3%20h%20E1%20BB%2099i%20v%20C3%20A0%20Nh%20C3%20A2n%20v%20C4%2083n,%20%20C4%2090%20E1%20BA%20A1i%20h%20E1%20BB%208Dc%20Qu%20E1%20BB%2091c%20gia%20Th%20C3%20A0nh%20ph%20E1%20BB%2091%20H%20E1%20BB%2093%20Ch%20C3%20AD%20Minh.pdf>.
- [9]. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2015). *Quy chế quản lý sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*, ban hành kèm theo Quyết định số 1396/QĐ-ĐHKT-QLKH ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, [https://rdge.ueh.edu.vn/Uploads/2024/18.%201396_Quy%20che%20quan%20ly%20SHTT%20UEH%202015%20\(hien%20hanh\).pdf](https://rdge.ueh.edu.vn/Uploads/2024/18.%201396_Quy%20che%20quan%20ly%20SHTT%20UEH%202015%20(hien%20hanh).pdf)
- [10]. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2016). *Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh*, 2016, ban hành kèm theo Quyết định số 1306/QĐ-ĐHL ngày 15 tháng 6 năm 2016, https://tracuuvanban.hcmulaw.edu.vn/uploads/1306_QD_ban_hanh_Quy_dinh_quan_ly_tai_san_SHTT.pdf
- [11]. Trường Đại học McGill (2017). *Chính sách Bản quyền*, 2017, xem xét lần cuối năm 2021, https://nus.edu.sg/tti/docs/default-source/default-document-library/nus-ip-policy-010109-v110309.pdf?sfvrsn=f2cc12dd_4
- [12]. Trường Đại học Montréal (1994). *Chính sách SHTT*, 1994, sđbs 2021, https://secretariatgeneral.umontreal.ca/public/secretariatgeneral/documents/doc_officiels/reglements/recherche/rech60_13-politique-universite-de-montreal-propriete-intellectuelle.pdf
- [13]. Trường Đại học Quốc gia Singapore (NUS) (2009). *Chính sách SHTT*, https://nus.edu.sg/tti/docs/default-source/default-document-library/nus-ip-policy-010109-v110309.pdf?sfvrsn=f2cc12dd_4
- [14]. Trường Đại học Sherbrooke (2023). *Chính sách SHTT*, 2023, <https://www.usherbrooke.ca/decouvrir/fileadmin/sites/decouvrir/documents/direction/politiques/2500-049.pdf>
- [15]. Trường Đại học Toronto (2018). *Chính sách Bản quyền*, <https://governingcouncil.utoronto.ca/secretariat/policies/copyright-policy-february-15-2018>
- [16]. Trường Đại học Victoria (2019). *Chính sách SHTT*, BC., n°GV0215, 2019, sđbs lần cuối 2021, https://www.uvic.ca/universitysecretary/assets/docs/policies/GV0215_1180_.pdf
- [17]. Vallée, Y., Fourier, J., Heusse, M.-D., Magnaudet-Barthe, A., & Tricoire, E. (2006). Les universités et le droit d'auteur : quels droits ? quels débiteurs ? quels bénéficiaires ?. *Recueil Dalloz*. p.668.

THE RIGHTS OF NON-PROPRIETARY ENTITIES OVER WORKS CREATED IN UNIVERSITIES: INTERNATIONAL EXPERIENCES FOR ENHANCING INTELLECTUAL PROPERTY POLICIES IN VIETNAMESE UNIVERSITIES

*Vo Nguyen Hoang Phuc*³²

Abstract: *Universities, which are regarded as the cradle of knowledge and technological innovation across various fields, require intellectual property (IP) management activities to be tailored to the specific characteristics of each university and type of intellectual property. Despite significant advancements, IP management activities still reveal numerous limitations, particularly in addressing the full scope of issues requiring regulation (Nguyen, 2024). One rarely discussed aspect in the IP regulations of Vietnamese universities is the determination of the rights of parties involved in the exploitation of intellectual property assets in general, and copyright in particular. Therefore, this article focuses on analyzing the rights of individuals or entities who do not hold proprietary rights over works created within universities. This analysis is based on domestic laws and practices, as well as comparative insights from the IP policies of international universities, with the aim of contributing to the enhancement of intellectual property policies in Vietnamese universities.*

Keywords: *intellectual property management, copyright, moral rights, proprietary rights, exploitation of works*

³² Institute of Intellectual Property, Entrepreneurship, and Innovation - University of Law, Ho Chi Minh City